

PHỤ LỤC

Gói thầu số 13: Thuốc generic

(Đính kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kế hoạch (VNĐ)	Thành tiền	Ghi chú
1	Amoxicilin + acid clavulanic	1	875mg +125mg	Uống	Viên	Viên	93.000	7.466	694.338.000	
2	Cefepim	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	19.600	61.900	1.213.240.000	
3	Cefotaxim	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	30.400	19.312	587.084.800	
4	Cefotaxim	1	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	lọ	14.200	51.490	731.158.000	
5	Cefoxitin	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	22.500	129.000	2.902.500.000	
6	Ceftazidim	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	74.400	25.900	1.926.960.000	
7	Ceftazidim	1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	20.000	23.850	477.000.000	
8	Ceftriaxon*	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	28.000	17.780	497.840.000	
9	Cefuroxim	1	1,5g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	8.000	34.599	276.792.000	
10	Cefuroxim	1	500mg	Uống	Viên	Viên	7.000	8.506	59.542.000	
11	Cefuroxim	1	750mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	15.200	17.300	262.960.000	
12	Ciprofloxacin	1	200mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	29.100	48.000	1.396.800.000	
13	Ciprofloxacin	1	400mg/200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Lọ	12.000	94.500	1.134.000.000	
14	Imipenem + cilastatin*	1	500mg +500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	27.000	125.400	3.385.800.000	
15	Levofloxacin*	1	500mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	14.000	79.000	1.106.000.000	
16	Meropenem*	1	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	34.400	173.500	5.968.400.000	
17	Meropenem*	1	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	8.000	64.466	515.728.000	
18	Rabeprazol	1	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	viên	50.000	11.550	577.500.000	
19	Amoxicilin + acid clavulanic	2	875mg +125mg	Uống	Viên	Viên	460.000	3.570	1.642.200.000	
20	Cefepim	2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	10.000	27.800	278.000.000	
21	Cefoperazon + sulbactam	2	500mg +500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	10.800	20.500	221.400.000	
22	Cefotaxim	2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	152.200	7.791	1.185.790.200	
23	Cefotaxim	2	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	7.200	17.745	127.764.000	
24	Cefoxitin	2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	16.000	34.330	549.280.000	
25	Cefoxitin	2	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	77.600	99.750	7.740.600.000	
26	Ceftazidim	2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	132.000	15.750	2.079.000.000	
27	Ceftazidim	2	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	66.200	26.985	1.786.407.000	
28	Ceftazidim	2	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	13.000	13.700	178.100.000	
29	Ceftriaxon*	2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	49.100	10.605	520.705.500	
30	Cefuroxim	2	1,5g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	9.000	21.900	197.100.000	
31	Cefuroxim	2	250mg	Uống	Viên	Viên	116.000	3.400	394.400.000	
32	Cefuroxim	2	500mg	Uống	Viên	Viên	477.000	7.690	3.668.130.000	
33	Cefuroxim	2	750mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	17.700	11.840	209.568.000	
34	Ciprofloxacin	2	200mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	19.500	17.575	342.712.500	
35	Ciprofloxacin	2	400mg/200ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Túi	18.000	63.000	1.134.000.000	

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kê hoạch (VND)	Thành tiền	Ghi chú
36	Gliclazid	2	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1.180.000	970	1.144.600.000	
37	Gliclazid	2	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	820.000	1.950	1.599.000.000	
38	Imipenem + cilastatin*	2	500mg +500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	9.000	72.000	648.000.000	
39	Levofloxacin*	2	500mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	6.800	19.399	131.913.200	
40	Meropenem*	2	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	28.200	107.000	3.017.400.000	
41	Meropenem*	2	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	12.000	64.400	772.800.000	
42	Rabeprazol	2	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	17.600	98.000	1.724.800.000	
43	Rabeprazol	2	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	271.000	598	162.058.000	
44	Amoxicilin + acid clavulanic	3	250mg +31,25mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	92.000	3.129	287.868.000	
45	Amoxicilin + acid clavulanic	3	875mg +125mg	Uống	Viên	Viên	452.000	4.780	2.160.560.000	
46	Cefuroxim	3	250mg	Uống	Viên	Viên	112.000	1.180	132.160.000	
47	Cefuroxim	3	500mg	Uống	Viên	Viên	440.000	2.037	896.280.000	
48	Gliclazid	3	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	830.000	280	232.400.000	
49	Gliclazid	3	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	505.000	748	377.740.000	
50	Amoxicilin + acid clavulanic	4	250mg +31,25mg	Uống	Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	135.000	1.189	160.515.000	
51	Amoxicilin + acid clavulanic	4	875mg +125mg	Uống	Viên	Viên	637.000	2.331	1.484.847.000	
52	Cefepim	4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	lọ	8.000	13.780	110.240.000	
53	Cefoperazon + sulbactam	4	500mg +500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	6.300	7.500	47.250.000	
54	Cefotaxim	4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	22.400	5.145	115.248.000	
55	Cefotaxim	4	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	2.400	11.380	27.312.000	
56	Cefoxitin	4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	17.200	16.695	287.154.000	
57	Ceftazidim	4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	143.000	9.990	1.428.570.000	
58	Ceftazidim	4	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	lọ	39.400	16.900	665.860.000	
59	Ceftazidim	4	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	lọ	15.000	11.180	167.700.000	
60	Ceftriaxon*	4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	10.500	5.850	61.425.000	
61	Cefuroxim	4	1,5g	Tiêm	Thuốc tiêm	lọ	2.000	13.200	26.400.000	
62	Cefuroxim	4	250mg	Uống	Viên	Viên	162.000	1.180	191.160.000	
63	Cefuroxim	4	500mg	Uống	Viên	Viên	815.000	2.037	1.660.155.000	
64	Cefuroxim	4	750mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	2.700	7.316	19.753.200	
65	Ciprofloxacin	4	200mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	17.000	17.575	298.775.000	

STT	Tên hoạt chất	Nhóm TCKT	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng	Giá kê hoạch (VND)	Thành tiền	Ghi chú
66	Gliclazid	4	30mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	1.230.000	280	344.400.000	
67	Gliclazid	4	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	648.000	748	484.704.000	
68	Imipenem + cilastatin*	4	500mg +500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	5.000	51.660	258.300.000	
69	Levofloxacin*	4	500mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	5.300	19.399	102.814.700	
70	Meropenem*	4	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	8.500	57.750	490.875.000	
71	Meropenem*	4	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	6.000	33.739	202.434.000	
72	Rabeprazol	4	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	117.000	12.600	1.474.200.000	
73	Rabeprazol	4	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	365.000	595	217.175.000	
74	Cefotaxim	5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	lọ	14.600	5.450	79.570.000	
75	Cefoxitin	5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	16.000	16.695	267.120.000	
76	Ceftazidim	5	1g	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	131.000	9.990	1.308.690.000	
77	Ceftazidim	5	2g	Tiêm	Thuốc tiêm	lọ	34.400	16.900	581.360.000	
78	Cefuroxim	5	1,5g	Tiêm	Thuốc tiêm	lọ	2.000	13.200	26.400.000	
79	Ciprofloxacin	5	200mg/100ml	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	17.700	7.707	136.413.900	
80	Gliclazid	5	60mg	Uống	Viên giải phóng có kiểm soát	Viên	470.000	748	351.560.000	
81	Levofloxacin*	5	500mg	Tiêm truyền	Thuốc tiêm truyền	Chai	6.300	19.399	122.213.700	
82	Meropenem*	5	500mg	Tiêm	Thuốc tiêm	Lọ	11.100	36.981	410.489.100	
83	Rabeprazol	5	20mg	Tiêm	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	115.100	12.600	1.450.260.000	
84	Rabeprazol	5	20mg	Uống	Viên bao tan ở ruột	Viên	265.000	595	157.675.000	
Tổng cộng: 84 mặt hàng, trị giá:									74.475.397.800	